

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh,

Bà Bùi Thúy Mỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị V sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Chu Quảng Đ sinh năm 1971; Thôn 4, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Vũ Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 4 năm 2015 mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và phát

triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V xin ly hôn anh Chu Quảng Đ.

Về con chung: Chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ có ba con chung là Chu Thị Y sinh năm 1990, Chu Thị X sinh năm 1992 và Chu Văn S sinh năm 1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình xét xử bị đơn Chu Quảng Đ trình bày: Anh Đ và chị Vũ Thị V kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, năm 2012 chị V tự ý bỏ đi, đến đầu năm 2015 trở về chung sống với anh được mấy tháng rồi lại bỏ đi và nói với anh là đi lao động ở nước ngoài. Tháng 3 năm 2018 chị V về và về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay chứ không về chung sống cùng anh. Chị V xin ly hôn, anh Đ đề nghị Tòa án không giải quyết, không hòa giải việc ly hôn của vợ chồng anh do không có đăng ký kết hôn và anh cũng không đến Tòa án làm việc. Về con chung, anh Đ thống nhất như lời khai của chị V. Anh Đ và chị V không có tài sản chung.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 15 và 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử không công nhận chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ là vợ chồng, chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Chu Quảng Đ đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Chu Quảng Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1989 đến tháng 4 năm 2015 có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng kí kết hôn nên được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Việc chị Vũ Thị V yêu cầu ly hôn anh Chu Quảng Đ, cần áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ có ba con chung Chu Thị Y sinh năm 1990, Chu Thị X sinh năm 1992 và Chu Văn S sinh năm 1996. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động và chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên: Chị Vũ Thị V khai có, anh Chu Quảng Đ khai không có, song chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Như vậy, ý kiến của bà Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 15 và 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

Không công nhận chị Vũ Thị V và anh Chu Quảng Đ là vợ chồng.

Về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con: Chị Vũ Thị V không yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên: Chị Vũ Thị V không yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0009148 ngày 28 tháng 6 năm 2018. Chị Vũ Thị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Chu Quảng Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng